

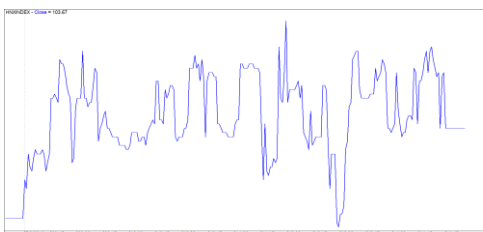
Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	960.39	103.67	55.29
% ngày	-0.17%	0.20%	0.60%
% tuần	0.13%	-0.27%	-0.18%
% tháng	1.47%	0.38%	0.89%
% năm	6.00%	4.93%	10.62%
GTGD (Tỷ VND)			
Trong ngày	3,210	343	206
TB 1 tuần	3,649	365	265
TB 1 tháng	3,636	324	271
Khối ngoại (Tỷ VND)			
Mua	487.39	9.23	54.43
Bán	497.22	3.88	48.70
Giá trị ròng	-9.83	5.36	5.73
Độ rộng TT			
Mã Tăng	138	61	209
Mã Giảm	139	65	124
Không Đổi	109	243	551
Chỉ số chính			
P/E	16.62	9.32	17.56
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	3,257	188	976
LS Cổ tức	4.82%	3.51%	7.08%

Nguồn: Bloomberg – YSVN

VNINDEX



HNXINDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Các chỉ số chứng khoán Việt Nam có phiên đi ngang trong biên độ hẹp. Chỉ số VN-Index chốt phiên giảm 0.17% dừng tại 960.39 điểm, trong khi chỉ số HNX-Index tăng 0.2% đóng cửa tại 103.67 điểm, chỉ số Upcom-Index tăng 0.6% dừng tại 55.29 điểm. Thanh khoản duy trì ở mức trung bình thấp khi đạt gần 3,000 tỷ đồng trên cả ba sàn.

VN-Index tiếp tục biến động quanh ngưỡng 960 điểm. Trình trạng phân hóa tiếp diễn nhưng mức biến động tăng giảm cũng không quá lớn ở các nhóm cổ phiếu. Cụ thể, trong VN30-Index, VCB(-1.3%), NVL(-2.5%), HPG(-2%), EIB(-2%) là top các mã có mức giảm giá nhiều nhất. Trong khi đó, CTD(2.1%), VHM(1.1%), REE(2.6%), CTG(1.2%) giữ nhịp hồi phục khá tốt. VHM tiếp tục có phiên hồi phục thứ 4 liên tiếp đã tạo bộ đỡ tâm lý tích cực cho thị trường. Trong khi đó, nhóm Mid-Cap và Small-Cap diễn biến tích cực hơn với điểm sáng tại AMD(4.6%), HAI(1.7%), FCN(2.1%), VCS(8%), DGC(4.5%), LMH(6.9%).

Khối ngoại giao dịch cân bằng trong phiên. Họ bán ròng chủ yếu tại HPG(62 tỷ), VHM(24 tỷ), VCB(18 tỷ) trong khi mua ròng PLX (62 tỷ), VNM(19 tỷ), VJC(16 tỷ).

QUAN ĐIỂM THỊ TRƯỜNG NGẮN HẠN

Chúng tôi cho rằng thị trường có thể sẽ quay trở lại xu hướng tăng trong phiên kế tiếp. Tâm lý nhà đầu tư vẫn chưa thể hiện rõ ràng cho thấy nhà đầu tư vẫn còn rất thận trọng với diễn biến hiện tại. Điểm tích cực là dòng tiền có phần cải thiện hơn so với phiên giao dịch trước đó và có độ phân hóa cao khi thị trường bắt đầu bước vào mùa công bố BCTC quý 2/2019. Đồng thời, tỷ trọng cổ phiếu tiếp tục tăng trên mức 50% cho thấy các nhà đầu tư ngắn hạn vẫn có cơ hội giải ngân mới.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức TĂNG xu hướng ngắn hạn của chỉ số VN-Index và VN30 với mức cắt lỗ ở mức 944.97 điểm và 855.81 điểm và duy trì mức GIẢM xu hướng ngắn hạn của chỉ số HNX-Index với mức kháng cự ở mức 104.87 điểm. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn nên chú ý vào xu hướng ở từng cổ phiếu và tăng dần tỷ trọng cổ phiếu về mức khuyến nghị ở những nhịp điều chỉnh trong phiên.

Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 51% cổ phiếu/49% tiền.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).

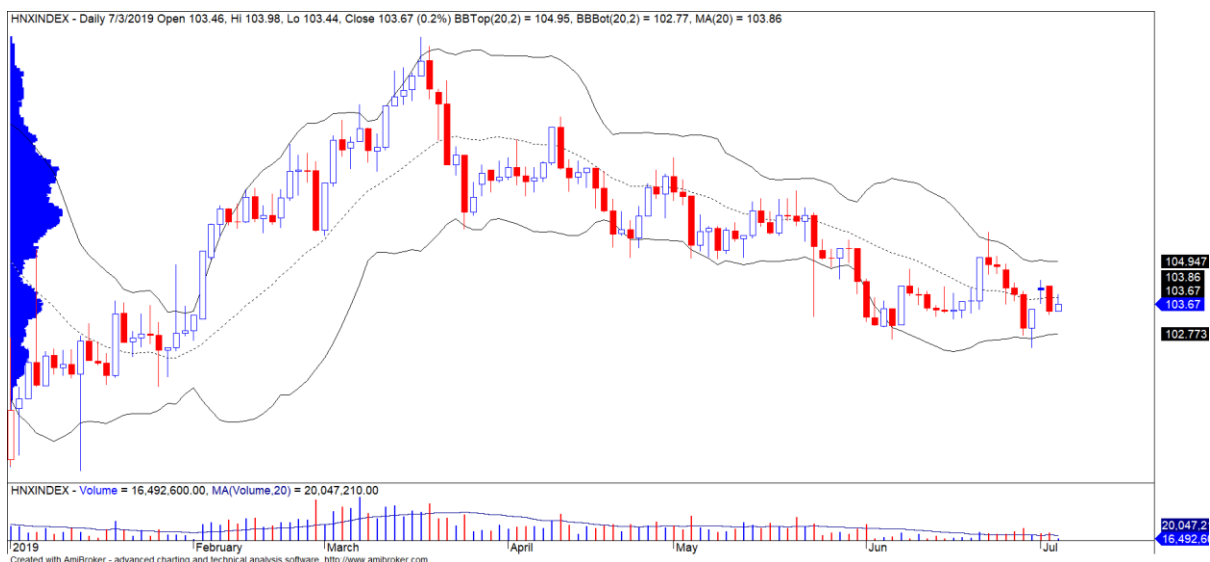


We Create **Fortune**

BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

Chỉ số	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	TĂNG	TĂNG	1,000	1,025	965	953
Chỉ số HNX-Index	GIẢM	GIẢM	108	110	105	101
Chỉ số VN30	TĂNG	TĂNG	895	935	877	863
Chỉ số VNMidcaps	TĂNG	TĂNG	992	1,030	969	963
Chỉ số VNSmallcaps	TĂNG	TĂNG	835	845	822	804



We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	18.65	TĂNG	TĂNG	18.60	17.85	0.27%		16.85	16	10.68%	
ACB	28.80	GIẢM	GIẢM		29.53				31.45		
ACV	84.00	GIẢM	TĂNG		91.59			90.00	79.58	-6.67%	
ANV	26.90	GIẢM	GIẢM		27.71				30.56		
ASM	7.06	GIẢM	GIẢM		7.20				7.93		
BFC	18.90	GIẢM	GIẢM		19.87				22.44		
BID	32.10	TĂNG	TĂNG	32.65	31.49	-1.68%		33.40	31	-3.89%	
BMP	43.30	TĂNG	GIẢM	44.50	42.24	-2.70%			48		
BSR	12.40	GIẢM	GIẢM		13.17				14.68		
BVH	82.70	TĂNG	GIẢM	79.00	78.79	4.68%			85		
BWE	26.90	TĂNG	TĂNG	25.85	25.68	4.06%		20.00	24	34.50%	
CEO	11.20	GIẢM	GIẢM		11.65				12.74		
CII	22.30	GIẢM	GIẢM		23.10				24.53		
CMG	38.40	TĂNG	TĂNG	37.80	36.31	1.59%		23.20	32	65.52%	
CMX	22.90	TĂNG	TĂNG	23.20	22.21	-1.29%		5.91	22	287.48%	
CSM	14.55	GIẢM	TĂNG		15.24			14.39	14.22	1.11%	
CTD	106.80	TĂNG	GIẢM	102.00	100.27	4.71%			112		
CTG	21.05	TĂNG	TĂNG	21.05	21.03	0.00%	MUA	22.70	19.64	-7.27%	BÁN
CTI	23.10	TĂNG	GIẢM	23.80	22.66	-2.94%			25		
CTR	28.60	TĂNG	N/A	28.80	27.13	-0.69%		-	3.89		
CVT	19.25	TĂNG	GIẢM	19.25	18.81	0.00%	MUA		20.33		
DCM	8.08	TĂNG	GIẢM	8.50	7.97	-4.94%			9		
DGC	31.00	TĂNG	GIẢM	28.50	28.26	8.77%			31		
DGW	21.85	TĂNG	GIẢM	21.85	21.69	0.00%	MUA		23.12		
DHA	36.90	TĂNG	TĂNG	32.25	34.28	14.42%		29.10	32	26.80%	
DHC	42.85	TĂNG	TĂNG	40.90	41.73	4.77%		35.20	38	21.73%	
DHG	105.10	TĂNG	GIẢM	108.00	101.56	-2.69%			115		
DIG	13.00	GIẢM	GIẢM		13.81				15.14		
DPG	37.20	GIẢM	TĂNG		38.07			40.02	34.78	-7.04%	
DPM	15.25	GIẢM	GIẢM		15.88				18.42		
DPR	43.80	TĂNG	TĂNG	43.40	43.52	0.92%		42.50	40	3.06%	
DQC	18.50	TĂNG	GIẢM	18.60	17.47	-0.54%			21		
DRC	18.50	GIẢM	GIẢM		19.19				21.29		
DXG	18.25	TĂNG	GIẢM	19.10	18.15	-4.45%			21		
EIB	18.30	TĂNG	TĂNG	17.80	17.77	2.81%		14.70	17	24.49%	

We Create Fortune

FCN	14.65	TĂNG	TĂNG	15.50	14.07	-5.48%		16.05	14	-8.72%	
FMC	29.40	TĂNG	GIẢM	28.95	28.58	1.55%			31		
FPT	46.80	TĂNG	TĂNG	45.20	45.41	3.54%		46.00	42	1.74%	
GAS	103.00	GIẢM	TĂNG		106.70			101.00	101.90	1.98%	BÁN
GEX	21.70	GIẢM	GIẢM		22.58				23.99		
GIL	26.80	TĂNG	GIẢM	27.30	25.94	-1.83%			30		
GMD	27.10	TĂNG	GIẢM	27.10	26.63	0.00%	MUA		27.99		
GTN	18.00	GIẢM	TĂNG		19.36			15.00	16.37	20.00%	
GVR	13.00	TĂNG	GIẢM	13.50	12.58	-3.70%			N/A		
HAG	5.42	TĂNG	GIẢM	5.15	5.14	5.24%			6		
HAX	15.70	TĂNG	TĂNG	14.25	14.93	10.18%		-	15		
HBC	15.00	GIẢM	GIẢM		15.58				18.07		
HCM	23.70	TĂNG	GIẢM	24.00	22.86	-1.25%			27		
HDB	26.30	TĂNG	GIẢM	27.60	25.94	-4.71%			29		
HDC	15.50	TĂNG	TĂNG	15.25	14.53	1.64%		15.25	13	1.64%	
HDG	34.35	TĂNG	GIẢM	32.70	32.60	5.05%			35		
HNG	17.35	TĂNG	TĂNG	15.75	16.27	10.16%		17.10	17	1.46%	MUA
HPG	22.15	GIẢM	GIẢM		23.76				25.71		
HSG	7.52	TĂNG	TĂNG	7.70	7.40	-2.34%		9.30	7	-19.14%	
HT1	15.80	GIẢM	TĂNG		16.69			14.80	15.47	6.76%	
HUT	2.50	GIẢM	GIẢM		2.72				3.43		
HVN	41.80	GIẢM	TĂNG		43.28			39.00	38.27	7.18%	
KBC	14.90	TĂNG	GIẢM	14.30	14.43	4.20%			15		
KDH	23.65	GIẢM	GIẢM		24.54				24.76		
KSB	23.00	TĂNG	GIẢM	22.70	22.15	1.32%			25		
LCG	9.97	GIẢM	GIẢM		10.29				11.44		
LDG	8.50	TĂNG	GIẢM	8.63	8.15	-1.51%			10		
LHG	19.05	GIẢM	TĂNG		19.33			19.30	17.02	-1.30%	
LPB	7.90	TĂNG	GIẢM	8.10	7.69	-2.47%			8.63		
LSS	5.48	GIẢM	GIẢM		5.63				5.91		
MBB	21.00	GIẢM	TĂNG		21.29			21.85	20.11	-3.89%	
MPC	35.00	GIẢM	GIẢM		35.56				40.54		
MSN	84.50	GIẢM	TĂNG		85.98			89.00	80.74	-5.06%	
MSR	18.20	GIẢM	GIẢM		19.65				20.71		
MWG	95.60	TĂNG	TĂNG	88.30	91.86	8.27%		88.70	83	7.78%	
NDN	16.00	TĂNG	TĂNG	14.10	15.74	13.48%		13.70	14	16.79%	
NKG	6.15	GIẢM	GIẢM		6.54				7.27		
NLG	29.00	GIẢM	TĂNG		29.97			28.70	27.83	1.05%	
NT2	26.85	GIẢM	GIẢM		27.60				29.22		

We Create Fortune

NTL	25.15	TĂNG	TĂNG	22.95	23.51	9.59%		10.45	21	140.67%	
NVL	58.70	TĂNG	GIẢM	59.90	57.90	-2.00%			62		
OIL	11.40	GIẢM	GIẢM		12.20				13.57		
PAC	35.90	GIẢM	GIẢM		37.18				38.86		
PC1	18.70	GIẢM	GIẢM		19.50				21.02		
PDR	26.15	TĂNG	TĂNG	24.10	25.26	8.51%		29.00	23	-9.83%	
PHR	59.50	TĂNG	TĂNG	61.20	56.30	-2.78%		24.00	51	147.92%	
PLX	64.00	TĂNG	TĂNG	64.20	60.82	-0.31%		62.40	58.43	2.56%	
PNJ	73.70	GIẢM	TĂNG		75.30			104.00	72.83	-29.13%	
POW	14.75	GIẢM	TĂNG		15.34			15.70	13.92	-6.05%	
PVT	16.40	GIẢM	GIẢM		16.79				17.62		
PPC	30.35	TĂNG	TĂNG	28.75	28.10	5.57%		19.70	25	54.06%	
PTB	71.00	TĂNG	TĂNG	66.60	67.08	6.61%		64.00	62	10.94%	
PVB	18.80	TĂNG	TĂNG	19.60	18.79	-4.08%		20.10	17	-6.47%	
PVD	18.60	TĂNG	TĂNG	19.20	18.08	-3.12%		18.50	18	0.54%	
PVI	37.40	TĂNG	GIẢM	37.40	37.24	0.00%	MUA		39.70		
PVS	23.00	TĂNG	TĂNG	23.00	22.22	0.00%		21.10	21	9.00%	
PXS	4.96	GIẢM	TĂNG		5.04			4.85	4.26	2.27%	
QNS	30.80	TĂNG	GIẢM	33.80	29.58	-8.88%		33.80	32	-4.72%	MUA
REE	33.05	TĂNG	TĂNG	33.05	32.55	0.00%	MUA	33.33	31.11	-0.83%	
SAB	276.00	TĂNG	TĂNG	253.00	266.64	9.09%		245.00	249	12.65%	
SAM	8.20	TĂNG	TĂNG	8.25	8.07	-0.61%		7.40	8	10.81%	
SCR	7.20	GIẢM	GIẢM		7.38				7.61		
SHI	8.25	TĂNG	TĂNG	8.14	8.03	1.35%		6.99	7	18.03%	
SJS	19.00	TĂNG	GIẢM	18.30	18.99	3.83%		-	20		
SKG	12.05	GIẢM	GIẢM		12.65				13		
SSI	24.85	GIẢM	GIẢM		25.25				27.07		
STB	11.35	GIẢM	GIẢM		11.71				12.42		
TCB	20.80	GIẢM	GIẢM		21.10				N/A		
TCM	28.55	TĂNG	GIẢM	27.85	26.66	2.51%			31		
TDH	9.86	GIẢM	TĂNG		10.39			11.65	9.17	-15.36%	
TLH	5.08	GIẢM	TĂNG		5.09			5.39	4.80	-5.75%	
TNG	22.00	TĂNG	TĂNG	19.70	20.31	11.68%		12.00	16	83.33%	
VCB	69.60	TĂNG	TĂNG	69.20	69.37	0.58%		62.00	64	12.26%	
VCG	26.40	GIẢM	TĂNG		27.21			19.20	24.08	37.50%	
VCS	66.00	TĂNG	GIẢM	61.20	58.15	7.84%			69		
VGC	20.10	GIẢM	GIẢM		21.09				21.65		
VGT	10.90	TĂNG	GIẢM	11.38	10.69	-4.21%			13,091		
VHC	85.60	GIẢM	GIẢM		89.08				95.80		

We Create Fortune

VHM	82.00	TĂNG	GIẢM	81.00	77.45	1.23%			88		
VIB	17.00	TĂNG	GIẢM	17.00	16.63	0.00%	MUA		17.99		
VIC	115.40	GIẢM	TĂNG		117.69			112.00	108.25	3.04%	
VIP	5.65	GIẢM	GIẢM		5.80				6.10		
VJC	128.50	TĂNG	TĂNG	123.30	124.08	4.22%		124.50	114	3.21%	
VND	15.10	GIẢM	GIẢM		15.86				17.09		
VNG	22.00	TĂNG	TĂNG	20.60	21.43	6.80%		21.50	19	2.33%	
VNM	126.00	TĂNG	GIẢM	126.00	125.43	0.00%	MUA		134.08		
VPB	19.20	TĂNG	GIẢM	18.60	18.65	3.23%			20		
VPI	42.00	TĂNG	GIẢM	41.75	41.05	0.60%			43,124		
VRC	15.80	GIẢM	GIẢM		16.30				17.82		
VRE	34.30	GIẢM	TĂNG		34.92			35.00	31.18	-2.00%	
VNM	126.00	TĂNG	GIẢM	126.00	125.43	0.00%	MUA		134.08		
VPB	19.20	TĂNG	GIẢM	18.60	18.65	3.23%			20		
VPI	42.00	TĂNG	GIẢM	41.75	41.05	0.60%			43,124		
VRC	15.80	GIẢM	GIẢM		16.30				17.82		
VRE	34.30	GIẢM	TĂNG		34.92			35.00	31.18	-2.00%	
VSC	30.90	GIẢM	GIẢM		31.88				34.79		

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU LARGECAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
ACB	28.80	GIẢM	GIẢM		29.53				31.45		
BID	32.10	TĂNG	TĂNG	32.65	31.49	-1.68%		33.40	31.23	-3.89%	
BSR	12.40	GIẢM	GIẢM		13.17				14.68		
BVH	82.70	TĂNG	GIẢM	79.00	78.79	4.68%			85.11		
CTG	21.05	TĂNG	TĂNG	21.05	21.03	0.00%	MUA	22.70	19.64	-7.27%	BÁN
EIB	18.30	TĂNG	TĂNG	17.80	17.77	2.81%		14.70	16.69	24.49%	
FPT	46.80	TĂNG	TĂNG	45.20	45.41	3.54%		41.00	42.21	14.15%	
GAS	103.00	GIẢM	TĂNG		106.70			99.03	101.90	4.01%	BÁN
HDB	26.30	TĂNG	GIẢM	27.60	25.94	-4.71%			28.77		
HNG	17.35	TĂNG	TĂNG	15.75	16.27	10.16%		17.10	16.55	1.46%	MUA
HPG	22.15	GIẢM	GIẢM		23.76				25.71		
HVN	41.80	GIẢM	TĂNG		43.28			39.00	38.27	7.18%	
KDH	23.65	GIẢM	GIẢM		24.54				24.76		
MBB	21.00	GIẢM	TĂNG		21.29			21.27	20.11	-1.27%	
MSN	84.50	GIẢM	TĂNG		85.98			89.00	80.74	-5.06%	

We Create Fortune

MWG	95.60	TĂNG	TĂNG	88.30	91.86	8.27%		88.70	83.04	7.78%	
NVL	58.70	TĂNG	GIẢM	59.90	57.90	-2.00%			62.33		
OIL	11.40	GIẢM	GIẢM		12.20				13.57		
PLX	64.00	TĂNG	N/A	64.20	60.82	-0.31%		62.40	58.43	2.56%	
PNJ	73.70	GIẢM	TĂNG		75.30			77.88	72.83	-5.37%	
POW	14.75	GIẢM	TĂNG		15.34			15.70	13.92	-6.05%	
PVS	23.00	TĂNG	TĂNG	23.00	22.22	0.00%		21.10	21.47	9.00%	
QNS	30.80	TĂNG	GIẢM	33.80	29.58	-8.88%		33.80	32.21	-4.72%	MUA
REE	33.05	TĂNG	TĂNG	33.05	32.55	0.00%	MUA	33.33	31.11	-0.83%	
ROS	29.40	GIẢM	TĂNG		30.85			34.80	27.33	-15.52%	
SSI	24.85	GIẢM	GIẢM		25.25				27.07		
STB	11.35	GIẢM	GIẢM		11.71				12.42		
TCB	20.80	GIẢM	GIẢM		21.10				23.07		
TPB	23.10	GIẢM	GIẢM		23.86				N/A		
VCB	69.60	TĂNG	TĂNG	69.20	69.37	0.58%		62.00	64.31	12.26%	
VCG	26.40	GIẢM	TĂNG		27.21			18.44	24.08	43.16%	
VEA	58.30	GIẢM	GIẢM		60.41				N/A		
VGI	26.50	GIẢM	GIẢM		29.04				N/A		
VHM	82.00	TĂNG	GIẢM	81.00	77.45	1.23%			87.75		
VIB	17.00	TĂNG	GIẢM	17.00	16.63	0.00%	MUA		17.99		
VIC	115.40	GIẢM	TĂNG		117.69			112.00	108.25	3.04%	
VJC	128.50	TĂNG	TĂNG	123.30	124.08	4.22%		124.50	113.67	3.21%	
VNM	126.00	TĂNG	GIẢM	126.00	125.43	0.00%	MUA		134.08		
VPB	19.20	TĂNG	GIẢM	18.60	18.65	3.23%			19.82		
VRE	34.30	GIẢM	TĂNG		34.92			34.00	31.18	0.89%	

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU MIDCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	18.65	TĂNG	TĂNG	18.60	17.85	0.27%		16.85	16.36	10.68%	
ANV	26.90	GIẢM	GIẢM		27.71				30.56		
ASM	7.06	GIẢM	GIẢM		7.20				7.93		
BMP	43.30	TĂNG	GIẢM	44.50	42.24	-2.70%			48.32		
BWE	26.90	TĂNG	TĂNG	25.85	25.68	4.06%		19.44	24.07	38.37%	
C4G	8.70	GIẢM	#N/A		9.19			-	#N/A		
CEO	11.20	GIẢM	GIẢM		11.65				12.74		
CII	22.30	GIẢM	GIẢM		23.10				24.53		



We Create Fortune

CRE	25.40	TĂNG	#N/A	25.90	24.58	-1.93%		-	#N/A		
CTI	23.10	TĂNG	GIẢM	23.80	22.66	-2.94%			25.17		
CTR	28.60	TĂNG	#N/A	28.80	27.13	-0.69%		-	#N/A		
DCM	8.08	TĂNG	GIẢM	8.50	7.97	-4.94%			8.83		
DHC	42.85	TĂNG	TĂNG	40.90	41.73	4.77%		35.20	38.25	21.73%	
DIG	13.00	GIẢM	GIẢM		13.81				15.14		
DPM	15.25	GIẢM	GIẢM		15.88				18.42		
DRC	18.50	GIẢM	GIẢM		19.19				21.29		
DXG	18.25	TĂNG	GIẢM	19.10	18.15	-4.45%			20.75		
E1VFN30	14.35	GIẢM	GIẢM		14.58				15.16		
FCN	14.65	TĂNG	TĂNG	15.50	14.07	-5.48%		16.05	13.65	-8.72%	
FLC	4.19	GIẢM	GIẢM		4.34				4.81		
FTM	23.80	GIẢM	TĂNG		24.40			16.25	21.48	46.46%	
GEG	22.00	TĂNG	TĂNG	22.80	21.32	-3.51%		12.90	20.50	70.54%	
GEX	21.70	GIẢM	GIẢM		22.58				23.99		
GMD	27.10	TĂNG	GIẢM	27.10	26.63	0.00%	MUA		27.99		
GTN	18.00	GIẢM	TĂNG		19.36			15.00	16.37	20.00%	
GVR	13.00	TĂNG	#N/A	13.50	12.58	-3.70%		-	#N/A		
HAG	5.42	TĂNG	GIẢM	5.15	5.14	5.24%			5.62		
HBC	15.00	GIẢM	GIẢM		15.58				18.07		
HCM	23.70	TĂNG	GIẢM	24.00	22.86	-1.25%			26.60		
HDG	34.35	TĂNG	GIẢM	32.70	32.60	5.05%			34.59		
HPX	26.60	TĂNG	#N/A	26.80	26.09	-0.75%		-	#N/A		
HSG	7.52	TĂNG	TĂNG	7.70	7.40	-2.34%		8.45	7.01	-11.03%	
HT1	15.80	GIẢM	TĂNG		16.69			14.80	15.47	6.76%	
IBC	21.80	TĂNG	TĂNG	20.90	21.08	4.31%		24.90	20.05	-12.45%	
IDI	7.59	TĂNG	GIẢM	7.48	7.20	1.47%			8.42		
IJC	10.70	GIẢM	GIẢM		11.13				11.50		
ITA	3.06	GIẢM	TĂNG		3.19			3.20	2.75	-4.38%	
KBC	14.90	TĂNG	GIẢM	14.30	14.43	4.20%			15.01		
KSB	23.00	TĂNG	GIẢM	22.70	22.15	1.32%			25.36		
LDG	8.50	TĂNG	GIẢM	8.63	8.15	-1.51%			10.06		
LPB	7.90	TĂNG	GIẢM	8.10	7.69	-2.47%			8.63		
MBS	14.80	GIẢM	#N/A		15.38			16.00	#N/A	#N/A	
MPC	35.00	GIẢM	GIẢM		35.56				40.54		
NBB	20.80	TĂNG	TĂNG	22.00	19.78	-5.45%		21.50	18.83	-3.26%	
NKG	6.15	GIẢM	GIẢM		6.54				7.27		
NLG	29.00	GIẢM	TĂNG		29.97			28.70	27.83	1.05%	

We Create Fortune

NT2	26.85	GIẢM	GIẢM		27.60			29.22		
NTC	156.50	TĂNG	#N/A	144.00	135.66	8.68%		120.00	#N/A	#N/A
NTL	25.15	TĂNG	TĂNG	22.95	23.51	9.59%		9.33	21.18	169.52%
NVB	8.10	GIẢM	GIẢM		8.44			9.22		
OGC	4.00	GIẢM	GIẢM		4.15			4.79		
PC1	18.70	GIẢM	GIẢM		19.50			21.02		
PDR	26.15	TĂNG	TĂNG	24.10	25.26	8.51%		23.60	23.22	10.83%
PHR	59.50	TĂNG	TĂNG	61.20	56.30	-2.78%		22.86	50.97	160.23%
PPC	30.35	TĂNG	TĂNG	28.75	28.10	5.57%		17.42	24.75	74.21%
PTB	71.00	TĂNG	TĂNG	66.60	67.08	6.61%		60.78	62.33	16.81%
PVD	18.60	TĂNG	TĂNG	19.20	18.08	-3.12%		18.50	17.78	0.54%
PVI	37.40	TĂNG	GIẢM	37.40	37.24	0.00%	MUA		39.70	
PVT	16.40	GIẢM	GIẢM		16.79			17.62		
QCG	4.39	GIẢM	GIẢM		4.90			5.91	4.64	-21.52%
SAM	8.20	TĂNG	TĂNG	8.25	8.07	-0.61%		7.40	7.55	10.81%
SBT	17.15	GIẢM	GIẢM		17.60			18.63		
SCR	7.20	GIẢM	GIẢM		7.38			7.61		
SHB	6.70	GIẢM	GIẢM		7.14			7.69		
SHS	9.70	GIẢM	TĂNG		10.28			12.10	9.22	-19.83%
SJS	19.00	TĂNG	GIẢM	18.30	18.99	3.83%		-	19.93	
STK	24.00	TĂNG	TĂNG	24.20	22.48	-0.83%		17.00	19.98	41.18%
SZC	19.15	GIẢM	#N/A		19.81			-	#N/A	
TCH	21.80	TĂNG	GIẢM	21.15	20.66	3.07%			23.38	
TCM	28.55	TĂNG	GIẢM	27.85	26.66	2.51%			30.59	
TNG	22.00	TĂNG	TĂNG	19.70	20.31	11.68%		12.00	16.37	83.33%
TTB	21.90	GIẢM	GIẢM		22.81			24.89		
VCI	30.80	GIẢM	GIẢM		32.23			35.72		
VGT	10.90	TĂNG	#N/A	12.00	10.69	-9.17%		-	#N/A	
VHC	85.60	GIẢM	GIẢM		89.08			95.80		
VND	15.10	GIẢM	GIẢM		15.86			17.09		
VNG	22.00	TĂNG	TĂNG	20.60	21.43	6.80%		21.50	19.37	2.33%
VPI	42.00	TĂNG	GIẢM	41.75	41.05	0.60%		42.86		

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU SMALLCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAV	9.10	GIẢM	#N/A		9.33			16.85	#N/A	#N/A	



We Create Fortune

AGR	4.00	TĂNG	TĂNG	3.89	3.84	2.83%		3.99	3.54	0.25%	
AMD	1.83	GIẢM	GIẢM		1.87				2.08		
APG	9.50	TĂNG	TĂNG	8.50	8.97	11.76%		9.90	9.07	-4.04%	MUA
ART	2.50	GIẢM	GIẢM		2.69				3.32		
BCC	8.40	TĂNG	TĂNG	8.50	7.91	-1.18%		7.70	7.66	9.09%	
BCG	5.77	TĂNG	TĂNG	5.90	5.61	-2.20%		6.39	5.41	-9.70%	
C69	17.20	TĂNG	TĂNG	8.80	15.73	95.45%		5.30	11.41	224.53%	
CCL	5.95	TĂNG	TĂNG	3.55	5.62	67.61%		3.46	4.14	71.97%	
CRC	14.60	GIẢM	GIẢM		15.24				18.03		
CVT	19.25	TĂNG	GIẢM	19.25	18.81	0.00%	MUA		20.33		
DAG	6.91	TĂNG	GIẢM	6.55	6.55	5.50%			7.01		
DAH	8.55	GIẢM	TĂNG		8.61			4.66	7.54	83.31%	
DGW	21.85	TĂNG	GIẢM	21.85	21.69	0.00%	MUA		23.12		
DLG	1.55	TĂNG	GIẢM	1.56	1.47	-0.64%			1.65		
DRH	7.51	TĂNG	GIẢM	7.59	6.91	-1.05%			7.76		
DTD	12.50	TĂNG	TĂNG	15.00	12.12	-16.67%		12.90	10.39	-3.10%	
EVG	2.71	GIẢM	GIẢM		2.88				3.02		
FIT	3.27	TĂNG	TĂNG	3.28	3.19	-0.30%		3.64	2.85	-10.16%	
GKM	15.30	GIẢM	TĂNG		15.53			11.42	14.95	33.92%	
HAH	11.85	GIẢM	GIẢM		12.33				12.67		
HAI	1.82	GIẢM	GIẢM		1.85				1.93		
HAP	3.60	GIẢM	TĂNG		3.75			3.67	3.25	-1.91%	
HAR	4.01	GIẢM	TĂNG		4.28			3.71	3.65	8.09%	
HCD	3.74	TĂNG	GIẢM	3.79	3.54	-1.32%			4.48		
HDA	11.30	TĂNG	TĂNG	10.50	10.23	7.62%			11.19		
HDC	15.50	TĂNG	TĂNG	15.25	14.53	1.64%		15.25	13.17	1.64%	
HHP	17.40	GIẢM	#N/A		17.66			-	#N/A		
HHS	3.32	GIẢM	GIẢM		3.46				3.90		
HII	11.80	GIẢM	GIẢM		12.62				14.16		
HQC	1.39	TĂNG	GIẢM	1.43	1.36	-2.80%			1.50		
HSL	7.95	GIẢM	GIẢM		8.55				10.76		
HUT	2.50	GIẢM	GIẢM		2.72				3.43		
HVG	3.68	TĂNG	GIẢM	3.33	3.15	10.51%			4.67		
HVH	27.00	TĂNG	#N/A	26.15	25.82	3.25%		-	#N/A		
JVC	2.95	GIẢM	GIẢM		2.98			3.28	2.98	-9.11%	BÁN
KLF	1.40	GIẢM	GIẢM		1.61				1.89		
KMR	3.00	GIẢM	TĂNG		3.11			3.68	2.65	-18.48%	
LCG	9.97	GIẢM	GIẢM		10.29				11.44		
LGL	10.00	GIẢM	TĂNG		10.79			7.11	8.90	40.59%	

We Create Fortune

LHG	19.05	GIẢM	TĂNG		19.33			19.30	17.02	-1.30%	
LMH	17.05	TĂNG	#N/A	17.05	16.63	0.00%	MUA	-	#N/A		
MST	2.80	GIẢM	GIẢM		3.19				3.84		
NDN	16.00	TĂNG	TĂNG	14.10	15.74	13.48%		13.10	13.50	22.10%	
PHC	13.20	TĂNG	TĂNG	13.40	12.98	-1.49%		14.45	12.65	-8.65%	
PVB	18.80	TĂNG	TĂNG	19.60	18.79	-4.08%		20.10	16.79	-6.47%	
PVC	6.90	GIẢM	TĂNG		7.30			7.10	6.20	-2.82%	
PXL	5.90	TĂNG	GIẢM	6.60	5.74	-10.61%			7.60		
PXS	4.96	GIẢM	TĂNG		5.04			4.85	4.26	2.27%	
QBS	2.72	GIẢM	GIẢM		2.97				3.62		
SFG	12.05	GIẢM	GIẢM		14.61			11.49	14.58	26.83%	BÁN
SHI	8.25	TĂNG	TĂNG	8.80	8.03	-6.25%		6.23	7.45	32.37%	
SJF	3.27	TĂNG	GIẢM	3.06	2.67	6.86%			4.16		
SKG	12.05	GIẢM	GIẢM		12.65				12.61		
TDH	9.86	GIẢM	TĂNG		10.39			11.65	9.17	-15.36%	
TIG	3.40	GIẢM	TĂNG		3.65			3.20	3.03	6.25%	
TLD	5.28	GIẢM	GIẢM		5.57				6.36		
TLH	5.08	GIẢM	TĂNG		5.09			5.85	4.80	-13.16%	
TNI	10.20	GIẢM	GIẢM		10.83			12.15	10.21	-15.98%	
TTF	3.31	GIẢM	TĂNG		3.40			3.99	3.03	-17.04%	
TTH	4.00	GIẢM	GIẢM		4.34			5.27	4.22	-20.02%	BÁN
TVB	17.70	GIẢM	GIẢM		17.91				19.94		
TVC	12.30	TĂNG	GIẢM	12.80	12.09	-3.91%			13.71		
VC3	23.40	TĂNG	TĂNG	23.10	22.86	1.30%		22.00	21.33	6.36%	
VCR	27.50	GIẢM	TĂNG		32.70			3.90	24.11	605.13%	
VNE	4.44	TĂNG	TĂNG	4.35	4.16	2.07%		4.65	3.96	-4.52%	
VPG	22.00	TĂNG	TĂNG	20.40	21.61	7.84%		20.46	18.84	7.55%	
VRC	15.80	GIẢM	GIẢM		16.30				17.82		
YBM	10.20	GIẢM	GIẢM		10.87				12.47		

We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)			Sàn GDCK Hà Nội (HSX)			Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)		
	Điểm	Chg%		Điểm	Chg%		Điểm	Chg%
VNI	960.39	-0.17%	HNI	103.67	0.20%	UPCoM	55.29	0.60%
VN30	869.58	-0.38%	HN30	189.58	0.82%			
VN Mid	965.11	-0.05%	VNX AllSh	847.11	-0.21%			
VN Small	818.6	0.27%						

GDKN	GTGD (tỷ VND)		GDKN	GTGD (tỷ VND)		GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	487.39		Mua	9.23		Mua	54.43	
Bán	497.22		Bán	3.88		Bán	48.70	
GT ròng	-9.83		GT ròng	5.36		GT ròng	5.73	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
PGD	1500	4.48%	VCS	4900	8.02%	VEC	1400	12.17%
CVT	700	3.77%	L14	2800	5.83%	NTC	6200	4.13%
PTB	2000	2.90%	DGC	1400	4.73%	VIB	500	3.03%
REE	850	2.64%	TNG	400	1.85%	QNS	700	2.33%
BCG	130	2.30%	PVI	500	1.36%	VEA	1300	2.28%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
SFG	-900	-6.95%	VCR	-1000	-3.51%	OIL	-400	-3.39%
SJS	-550	-2.81%	PVS	-300	-1.29%	VCP	-1200	-3.24%
NAF	-500	-2.55%	SHS	-100	-1.02%	BOT	-1500	-2.77%
NVL	-1500	-2.49%	AMV	-300	-1.01%	GEG	-500	-2.22%
TNI	-250	-2.39%	CEO	-100	-0.88%	VGI	-600	-2.21%

*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG >1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng		GTVH cao nhất	Tỷ đồng		GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	397,187		ACB	36,043		ACV	182,631	
VHM	271,646		VCG	11,705		VGI	82,420	
VCB	261,476		PVS	11,137		VEA	75,789	
VNM	217,848		VCS	9,580		MCH	58,553	
GAS	198,859		PVI	8,528		GVR	51,680	

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày	KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày	KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
ROS	9,174,630	11,405,137	PVS	2,511,078	2,810,619	BSR	889,415	1,141,749
HPG	6,335,447	5,408,941	TNG	1,535,290	1,084,372	GVR	700,563	979,661
HAG	4,971,200	2,842,435	DNP	1,413,700	93,980	PFL	585,100	95,259
VHM	4,238,710	2,351,454	SHB	1,238,914	5,502,694	QNS	553,019	316,324
TPB	4,188,790	1,836,185	NDN	1,002,554	951,435	VCP	500,150	8,053

Nguồn: Bloomberg & YSVN

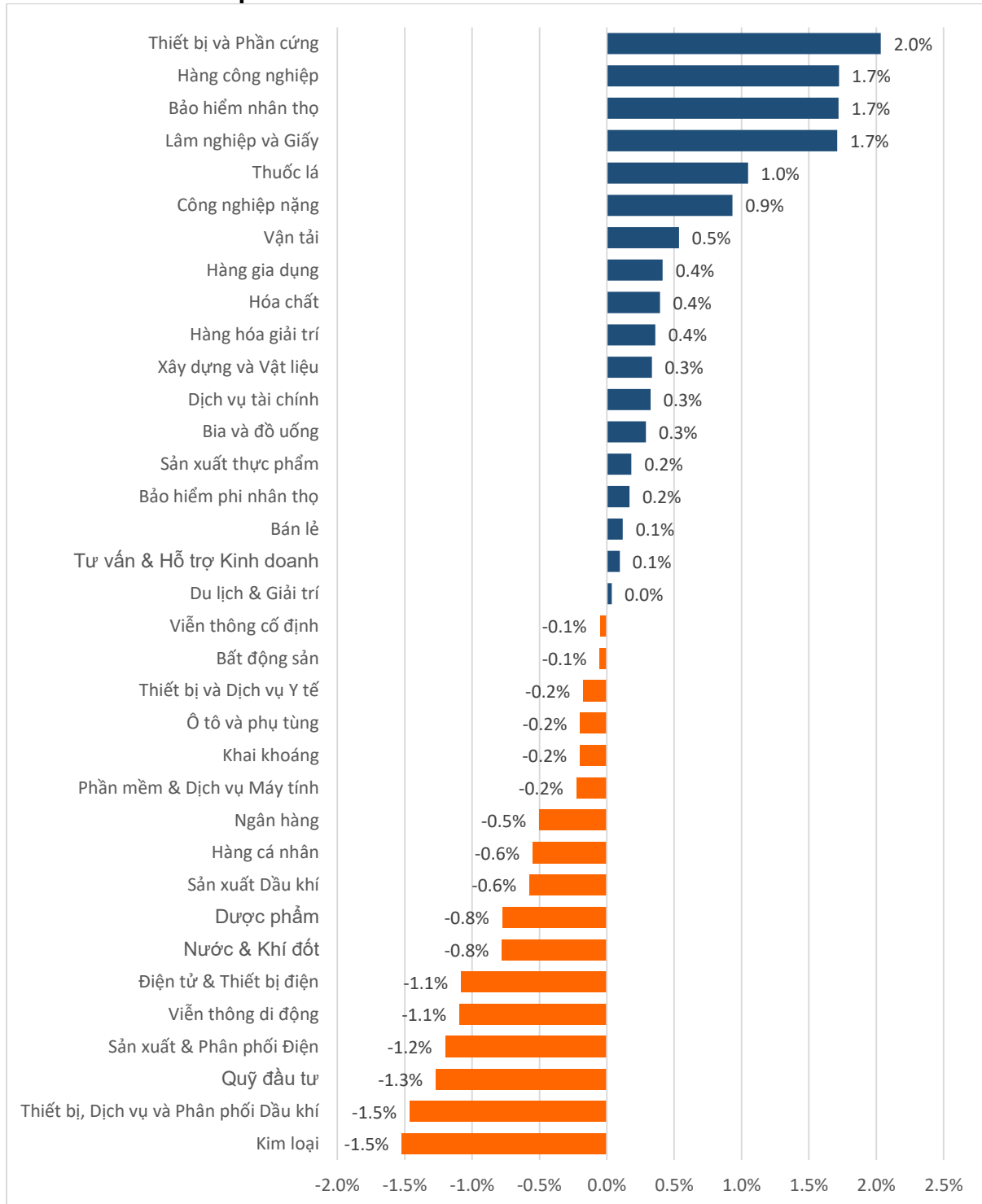
Nguồn: Bloomberg & YSVN

Nguồn: Bloomberg & YSVN



We Create **Fortune**

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CÁC NHÓM NGÀNH



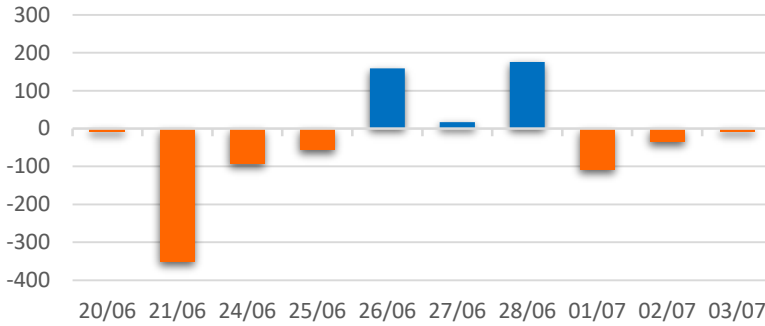
Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

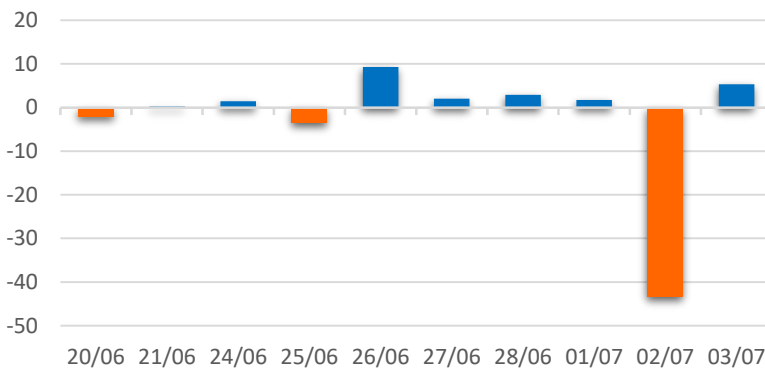
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
PLX	62,880	HPG	61,821
VNM	19,678	VHM	24,110
VJC	16,019	VCB	18,017
GAS	11,269	HDB	8,911
KBC	7,913	YEG	8,197

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

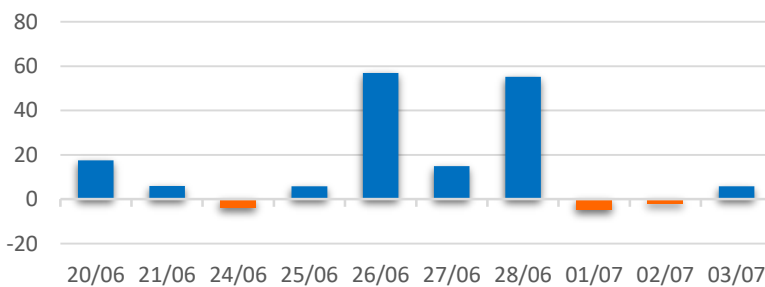
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
PVS	3,513	INN	522
SHB	1,340	NTP	320
TNG	385	HCC	103
VCS	270	NDX	98
AMV	263	SCL	89

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại
UPCOM



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
QNS	5,292	VEA	1,712
VTP	3,060	BSR	1,353
GEG	868	ACV	1,290
ABI	435	OIL	477
SKV	275	MFS	65

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM

Nguồn: FiinPro – YSVN



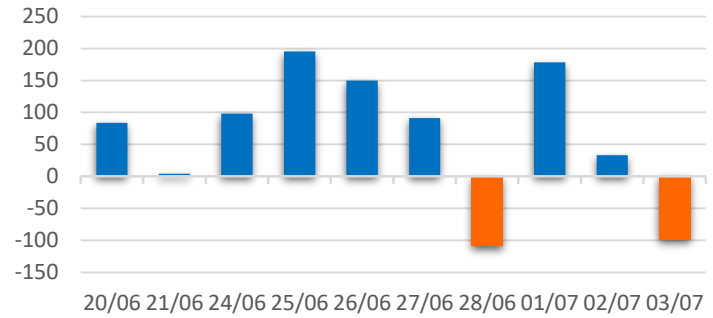
We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

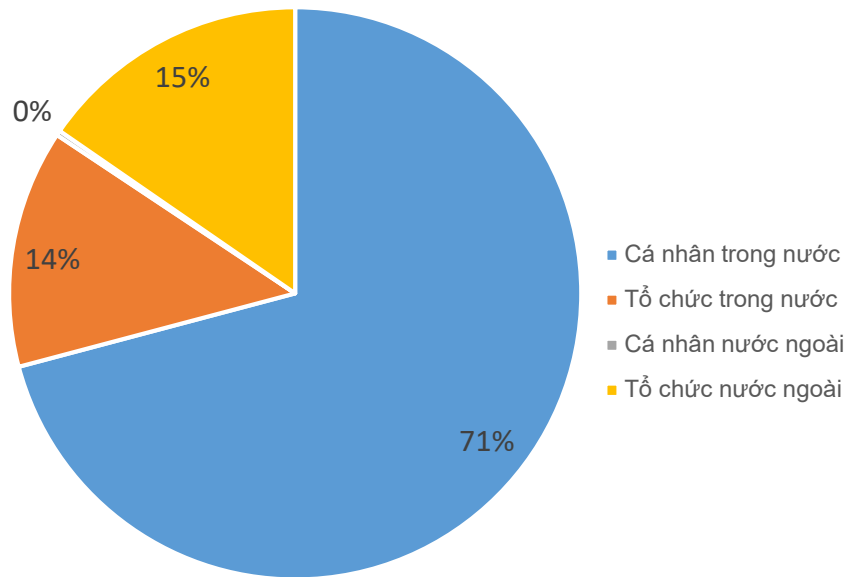
Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
MWG	25,680	VNM	22,919
E1VFN30	17,398	TCB	17,782
VHM	9,434	E1VFN30	16,454
VJC	7,901	VIC	16,330
VNM	6,274	VJC	15,141

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)



CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

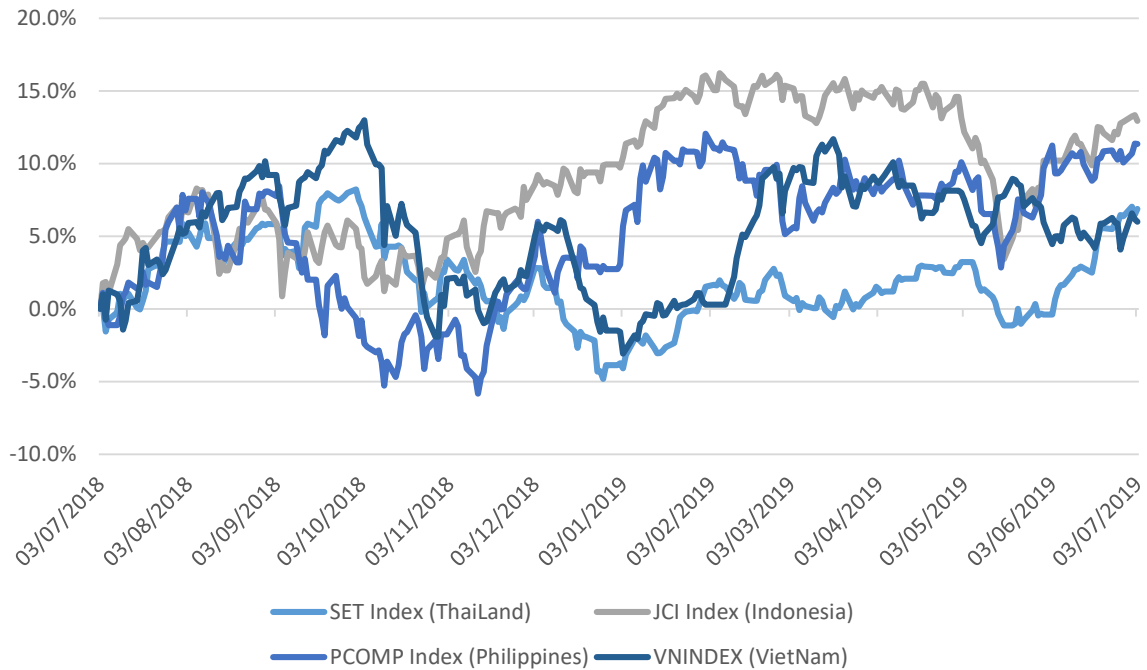


Nguồn: FimPro – YSVN



We Create Fortune

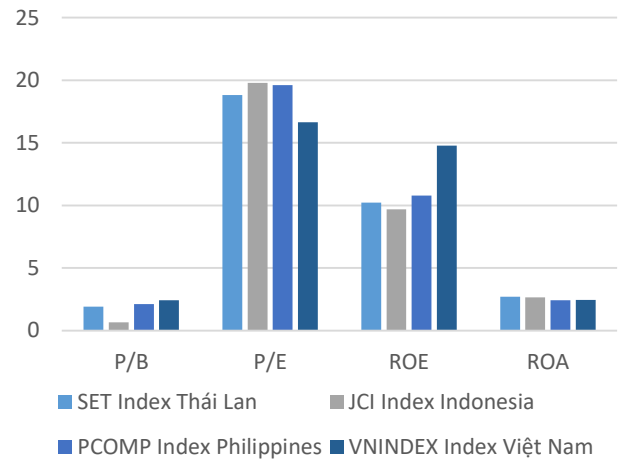
Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		1.9x	0.7x	2.1x	2.4x
P/E		18.8x	19.7x	19.6x	16.6x
ROE	%	10.23	9.69	10.78	14.77
ROA	%	2.71	2.64	2.43	2.46
Vốn hóa	Tỷ USD	579.52	516.03	199.06	139.38
GTGD	Triệu USD	1.76	0.50	0.08	0.10
LS cổ tức	%	2.96	2.46	1.62	1.80

Nguồn: Bloomberg & YSVN





We Create **Fortune**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

Nguyễn Thế Minh

Giám đốc Nghiên cứu Phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuanta.com.vn

Quách Đức Khánh

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuanta.com.vn

Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuanta.com.vn

Phạm Tấn Phát

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3830

phat.pham@yuanta.com.vn

Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

Nguyễn Thanh Tùng

Giám đốc Môi giới Hội Sở

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuanta.com.vn

Chung Kim Hoa

Giám đốc Khối khách hàng người Hoa

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuanta.com.vn

Phù Vĩnh Quế

Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn

+84 28 3622 6868

que.phu@yuanta.com.vn

Nguyễn Việt Quang

Giám đốc chi nhánh Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuanta.com.vn

Võ Thị Thu Thủy

Giám đốc chi nhánh Bình Dương

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuanta.com.vn

Bùi Quốc Phong

Giám đốc chi nhánh Đồng Nai

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuanta.com.vn

Nguyễn Đức Hoàn

**Giám đốc trung tâm kinh doanh
Nam Hà Nội**

+84 28 3622 6868 ext 3409

hoan.nguyen@yuanta.com.vn



We Create **Fortune**

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written